

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
BÁO CÁO QUERIES REPORT #14.08
HỆ THỐNG SAP B1 THUỘC HÒA BÌNH GROUP

Mã Nhóm Tài Liệu: Nhóm 5 - Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Báo Cáo Queries Report
Mã Hiệu Tài Liệu: 5140800701
Ngày Lập Tài Liệu: 04.11.2022
Hiệu lực Áp Dụng: Còn hiệu lực - Đang áp dụng
Áp Dụng Đối Với: Phần mềm Quản Lý Nguồn Lực Doanh Nghiệp SAP Business One 10.0, PL02
Tên Tài Liệu: Hướng Dẫn Sử Dụng Báo Cáo Queries Report #14.08 tại SAP B1 [HBG]

1. Đối Tượng của Tài Liệu

1.1. Đối tượng của Tài Liệu này là Báo Cáo Queries Report có Mã Số “14.08”, Tên gọi “Bảng kê dự báo số lượng cung - cầu theo sản phẩm” trong hệ thống SAP B1 của các Trạm thuộc [HBG] (sau đây gọi tắt là “Báo cáo Queries Report #14.08”)

1.2. Báo cáo Queries Report #14.08 được truy cập theo đường dẫn thao tác, như sau: [Tools] → [User Queries] → [14. Leader Report] → [14.08. Bảng kê dự báo số lượng cung - cầu theo sản phẩm]

2. Hướng dẫn khai báo Biến Đầu Vào của Báo Cáo

Báo cáo Queries Report #14.08 là loại Báo cáo trích xuất dữ liệu liên tục và hoàn toàn nhưng không tự động phát sinh khi người dùng kích hoạt. Dữ liệu của Báo cáo được thể hiện phụ thuộc vào việc khai báo Biến Đầu Vào theo định nghĩa sau:

2.1. [Row Delivery Date]: Thời Điểm xác định chốt dữ liệu dự toán của báo cáo, là ngày/tháng/năm mà Người sử dụng có nhu cầu dự toán số lượng dự cung & dự cầu của hàng toán theo từng Mã Sản Phẩm - Định dạng khai báo: dd/mm/yyyy

2.2. [Group Name]: Nhóm Sản Phẩm chứa các Mã Sản Phẩm cần xem thông tin. Người dùng được yêu cầu khai báo thông tin tại Biến này theo đúng định nghĩa về các Nhóm Sản Phẩm trong hệ thống SAP B1 của trạm mình. Người dùng có thể ấn phím “Tab” khi diêm nháy chuột đang ở vị trí của Biến này để xem danh sách Thương Hiệu Sản Phẩm khả dụng.

2.3. [Manufacturer Name]: Thương Hiệu Sản Phẩm chứa các Mã Sản Phẩm cần xem thông tin. Người dùng được yêu cầu khai báo thông tin tại Biến này theo đúng định nghĩa về các Thương Hiệu Sản Phẩm trong hệ thống SAP B1 của trạm mình. Người dùng có thể ấn phím “Tab” khi diêm nháy chuột đang ở vị trí của Biến này để xem danh sách Thương Hiệu Sản Phẩm khả dụng.

“Giả định: Trạm SAP B1 [X] có nhu cầu xem Bảng kê dự báo số lượng cung - cầu theo sản phẩm cho đến hết ngày 31/12/2022 đối với những Mã Sản Phẩm thuộc Nhóm Sản Phẩm là “01_Động cơ dầu” và Thương Hiệu Sản Phẩm là “FPT”.

Như vậy, các Biến Dữ Liệu khai báo lần lượt, sẽ là:

- [Row Delivery Date] sẽ nhận giá trị là 01/01/2022;
- [Group Name] sẽ nhận giá trị là 01_Động cơ dầu; và
- [Manufacturer] sẽ nhận giá trị là FPT”

3. Hướng dẫn đọc hiểu Dữ Liệu của Báo Cáo

Báo cáo Queries Report #14.08 thể hiện thông tin dưới dạng Bảng dữ liệu dạng thô theo cột và dòng. Tiêu đề của mỗi Cột là đại diện cho thông tin của các Dòng được thể hiện trong đó, cụ thể như sau:

3.1. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemNo], là Mã Sản Phẩm thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Item No.] thuộc Bảng chính trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

3.2. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemName], là Mô Tả Sản Phẩm thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Description] thuộc Bảng chính trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

3.3. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemGroup], là Nhóm của Sản Phẩm được phân loại tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Item Group] thuộc Bảng chính trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

3.4. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemBrand], là Thương Hiệu của Sản Phẩm được phân loại tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) theo định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Manufacturer] thuộc Bảng phụ [General] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

3.5. Dòng thông tin thuộc Cột [UoM], là Đơn vị Tính trong quản lý tồn kho của Sản Phẩm tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [UoM Name] thuộc Bảng phụ [Inventory Data] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

3.6. Dòng thông tin thuộc Cột [OnHandQty], là Số lượng thực tế tồn kho tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm tại tất cả kho hàng ngay thời điểm thực thi báo cáo.

3.7. Dòng thông tin thuộc Cột [CommittedSalesQty], là Số lượng ở trạng thái “Mở” (chưa giao hàng/chưa xuất bán/chưa xử lý hủy) tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm khi được ghi nhận tại tất cả nghiệp vụ [Sales Order] có ngày dự kiến giao hàng “Row Delivery Date” không vượt quá ngày xét Báo Cáo tại Biến Đầu Vào [Row Delivery Date].

3.8. Dòng thông tin thuộc Cột [CommittedBuyReQty], là Số lượng ở trạng thái “Mở” (chưa giao hàng/chưa xuất bán/chưa xử lý hủy) tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm khi được ghi nhận tại tất cả nghiệp vụ [Goods Return Request] có ngày dự kiến trả hàng “Row Delivery Date” không vượt quá ngày xét Báo Cáo tại Biến Đầu Vào [Row Delivery Date].

3.9. Dòng thông tin thuộc Cột [CommittedProductQty], là Số lượng ở trạng thái “Mở” (chưa giao hàng/chưa xuất bán/chưa xử lý hủy) tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm khi được ghi nhận tại tất cả nghiệp vụ [Production Order] có ngày dự kiến sử dụng “Row Start Date” không vượt quá ngày xét Báo Cáo tại Biến Đầu Vào [Row Delivery Date].

3.10. Dòng thông tin thuộc Cột [OrderedBuyQty], là Số lượng ở trạng thái “Mở” (chưa giao hàng/chưa xuất bán/chưa xử lý hủy) tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm khi được ghi nhận tại tất cả nghiệp vụ [Purchase Order] có ngày dự kiến hàng về “Row Delivery Date” không vượt quá ngày xét Báo Cáo tại Biến Đầu Vào [Row Delivery Date].

3.11. Dòng thông tin thuộc Cột [OrderedSalesReQty], là Số lượng ở trạng thái “Mở” (chưa giao hàng/chưa xuất bán/chưa xử lý hủy) tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm khi được ghi nhận tại tất cả nghiệp vụ [Return Request] có ngày dự kiến nhận hàng bán trả về “Row Delivery Date” không vượt quá ngày xét Báo Cáo tại Biến Đầu Vào [Row Delivery Date].

3.12. Dòng thông tin thuộc Cột [OrderedProductQty], là Số lượng ở trạng thái “Mở” (chưa giao hàng/chưa xuất bán/chưa xử lý hủy) tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm khi được ghi nhận tại tất cả nghiệp vụ [Production Order] có ngày dự kiến hoàn tất sản xuất “Doc Due Date” không vượt quá ngày xét Báo Cáo tại Biến Đầu Vào [Row Delivery Date].

3.13. Dòng thông tin thuộc Cột [AvailableQty], là Số lượng dự báo sẽ thặng dư hoặc thâm hụt tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm sau khi đã dự cung và dự cầu tại các nghiệp vụ có liên quan cho đến hết ngày xét Báo Cáo tại Biến Đầu Vào [Row Delivery Date]. Dữ liệu tại Cột này là một biểu thức, như sau:

“AvailableQty = OnHandQty + OrderedBuyQty + OrderedSalesReQty + OrderedProductQty - CommittedSalesQty - CommittedBuyReQty - CommittedProductQty”

Mọi thắc mắc hoặc xử lý sự cố kỹ thuật có liên quan, xin vui lòng liên hệ theo thông tin bên dưới:

- Thông tin liên hệ 1:

Họ Tên: Lê Minh Đăng,

Email: dang.le@hbc.com.vn,

Điện Thoại: +84.909.5358.22;

- Thông tin liên hệ 2:

Họ Tên: Nguyễn Hoàng Phong,

Email: phong.nguyen@hbc.com.vn,

Điện Thoại: +84.907.67.3020

-----***-----